

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 297/2018/TLST-DS ngày 02/8/2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXXST-DS ngày 01/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị N, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 và bà Vũ Thị Chúc T, sinh năm 1988; cùng hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Phan Thị N có mặt; bị đơn bà Vũ Thị Chúc T và ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:**

Vào ngày 02/4/2016, vợ chồng ông H và bà T có vay của bà N số tiền 15.000.000 đồng, khi vay tiền ông H và bà T có viết “Giấy mượn tiền” và ký tên giao cho bà N cất giữ. Theo “Giấy mượn tiền” ngày 02/4/2016, ông H và bà T hẹn đến ABC 2016 sẽ trả tiền cho bà N (ABC 2016 có nghĩa là khi được lãnh tiền thưởng cuối năm 2016 sẽ trả cho bà N). Đến thời hạn trả tiền, nhiều lần bà N yêu cầu nhưng ông H và bà T chỉ mới trả được số tiền 4.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.500.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018, bà N yêu cầu ông H và bà T phải trả cho bà N tổng số tiền đã vay là 15.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H và bà T phải trả số tiền là 10.500.000 đồng, bà N không tranh chấp đối với số tiền 4.500.000 đồng.

Chứng cứ mà bà N giao nộp: 01 đơn khởi kiện của bà N ngày 17/7/2018; 01 bản sao CMND và sổ hộ khẩu của bà N; 01 bản photo “Giấy mượn tiền” ngày 02/4/2016; 01 bản tự khai của bà N ngày 17/8/2018. Ngoài ra, bà N không cung cấp chứng cứ và không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/8/2018 bà Vũ Thị Chúc T trình bày:***

Bà T và ông H là vợ chồng. Ngày 02/4/2016, bà T và ông H có vay mượn của bà N số tiền 15.000.000 đồng để chi tiêu trong gia đình. Khi vay tiền, cả bà T và ông H đều ký tên vào “Giấy mượn tiền” rồi giao cho bà N giữ. Sau khi vay tiền, bà T và ông H có trả góp cho bà N mỗi tháng 500.000 đồng và đã trả được 4.500.000 đồng. Hiện nay, bà T và ông H chỉ còn thiếu bà N số tiền 10.500.000 đồng. Bà T và ông H đồng ý trả cho bà N toàn bộ số tiền còn thiếu là 10.500.000 đồng.

Ngoài ra bà T xác định, hiện ông H đang đi làm xa nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bà T phải chăm sóc cha già đang nằm viện nên không thể chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà T vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến tại phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Chứng cứ bà T cung cấp: Biên bản lấy lời bà Vũ Thị Chúc T khai ngày 22/8/2018.

*** *Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H:***

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt các văn bản tố tụng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được để bị đơn ông H biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng ông H vắng mặt suốt quá trình tố tụng không lý do.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà Phan Thị N. Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Chúc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà N có mặt, bị đơn bà T, ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đối với bị đơn là bà T, ông H để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà N khởi kiện bị đơn ông H và bà T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với số tiền là 15.000.000 đồng. Bị đơn ông H và bà T có nơi cư trú tại ấp C, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018, bà N khởi kiện ông H và bà T yêu cầu phải trả tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp đối với số tiền 4.500.000 đồng và xác định chỉ khởi kiện ông H và bà T phải trả số tiền 10.500.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 5, 71, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N: Ngày 02/4/2016, bà N cho ông H và bà T vay số tiền 15.000.000 đồng, việc vay mượn tiền thì ông H và bà T có lập “Giấy mượn tiền” giao cho bà N cất giữ, theo đó ông H và bà T hẹn đến ABC 2016 sẽ trả tiền cho bà N nhưng mới trả được số tiền 4.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.500.000 đồng. Bà N cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” lập vào ngày 02/4/2016. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/8/2018 bà T thừa nhận việc vay mượn tiền, xác định còn nợ bà N số tiền 10.500.000 đồng và chấp nhận trả, đây là tình tiết được các bên đương sự thừa

nhận nên là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định như tổng đạt các văn bản tố tụng, công khai các tài liệu chứng cứ bà N cung cấp để ông H và bà T biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng phía ông H và bà T không hợp tác, không có ý kiến phản đối, vắng mặt không lý do. Vì vậy, không xem xét ý kiến của ông H và bà T.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Ông H và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Chúc T về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Chúc T có trách nhiệm thanh toán cho bà Phan Thị N số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông H và bà T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Chúc T về số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Chúc T phải chịu số tiền là 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3.2. Hoàn trả cho bà Phan Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0012172

ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 17/10/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng